

VĂN HỌC DÂN GIAN TRONG ĐỜI SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI THÁI Ở NGHỆ AN

Bùi Minh Thuận

Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài 25/5/2019, ngày nhận đăng 14/8/2019

Tóm tắt: Trong văn hóa thì văn học là loại hình, lĩnh vực quan trọng thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người. Người Thái là dân tộc thiểu số có đời sống văn hóa rất phong phú, đa dạng và có vai trò quan trọng ở vùng miền Tây Nghệ An. Nền văn học dân gian Thái là di sản nghệ thuật quý báu, phản ánh rõ nét đời sống văn hóa - xã hội của tộc người và đóng vai trò quan trọng tạo ra các giá trị chuẩn đề con người vươn tới, từ đó hình thành nên phẩm chất con người. Đồng thời, văn học là một trong những động lực trực tiếp góp phần xây dựng nên nền tảng tinh thần của cộng đồng và xây dựng, phát triển văn hóa.

Từ khóa: Văn học; văn học Thái; văn học dân gian Thái Nghệ An.

1. Đặt vấn đề

Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn nhất trong cả nước và cũng là nơi sinh sống của nhiều thành phần dân tộc khác nhau. Theo số liệu thống kê tính đến ngày 1/7/2015, trên địa bàn tỉnh Nghệ An có tất cả 39 dân tộc thiểu số, với số lượng là 466.161 người. Ngoài các dân tộc di cư từ nơi khác đến trong khoảng mấy chục năm trở lại đây, có 5 dân tộc đã sinh sống từ lâu đời trên mảnh đất vùng miền Tây Nghệ An là Hmông, Khơ mú, Thái, Thổ và Ô đú. Trong đó, cộng đồng người Thái có số lượng dân cư đông đảo nhất với 324.120 người, chiếm 69,53% tổng số người dân tộc thiểu số trên địa bàn toàn tỉnh (Dẫn theo số liệu của Phòng Chính sách, Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An cung cấp).

Văn học Thái xưa nay đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập và giới thiệu trong nhiều loại ấn phẩm khác nhau, hầu như tất cả đều có một nhận định chung rằng: dân tộc Thái có một nền văn học phong phú và đặc sắc. Để minh chứng cho nhận định ấy, các nhà nghiên cứu đã giới thiệu, phân tích, đánh giá những giá trị hình thức và nội dung của nền văn học Thái trên các thể loại như ca dao, tục ngữ, câu đố, truyền thuyết, thoại, truyện thơ, truyện lịch sử...

Văn học dân gian là một trong những giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của người Thái. Những lời thơ giàu nhạc điệu, giàu tình cảm đã khơi gợi cho người đọc cả một thế giới tâm hồn phong phú. Văn học Thái mang đậm yếu tố trữ tình với những sắc thái, tình cảm thiết tha, đậm lòng nhân đạo cho ta thấy rõ đời sống tình cảm nhuần nhị của đồng bào Thái.

Thông thường, khi nghiên cứu văn học của một dân tộc, một quốc gia, người ta thường phân chia thành hai loại chủ yếu là: *văn học dân gian* và *văn viết*, với ngầm định tiêu chí cho từng loại. Trong văn học của đồng bào dân tộc Thái, rất khó tìm ra một ranh giới rõ ràng cho sự phân định giữa hai dòng văn học dân gian (folklore) và văn học viết. Bài viết này không nhằm mục đích phân tích sự phân định ấy mà nhằm làm rõ những giá trị đặc sắc trong các sáng tác văn học và ảnh hưởng tới việc hình thành nhân cách văn hóa trong cộng đồng người Thái miền Tây Xứ Nghệ (Trần Văn Thức, 2017).

2. Truyện kể dân gian

Truyện kể dân gian của đồng bào Thái ở miền Tây Nghệ An rất phong phú đa dạng. Loại hình này được đồng bào Thái lưu truyền đến ngày nay chủ yếu bằng phương thức truyền miệng. Nội dung của các truyện kể là giải thích về nguồn gốc loài người, về các hiện tượng trong tự nhiên, về các anh hùng dân tộc, về quá trình thành lập bản mường, về tình yêu đôi lứa, về cuộc đấu tranh giữa cái thiện với cái ác, tốt với xấu, giàu với nghèo... để giáo dục con người trong xã hội (Vi Văn An, 2017, tr. 311).

Theo quy luật phát triển tất yếu của ngôn ngữ, một khi chưa có chữ viết hoặc chữ viết chưa được thông dụng thì văn vần hầu như chiếm ưu thế trong đời sống sáng tác của các dân tộc. Do đó, truyện kể của đồng bào Thái chủ yếu diễn đạt bằng văn vần, còn văn xuôi chưa xuất hiện. Đồng bào thường gọi hình thức này là *Lái* (truyện kể). Xét cho cùng, *Lái* cũng là một loại hình như về kể chuyện của bà con miền xuôi (chẳng hạn về về nhân vật anh hùng Đốc Thiệt...); *Lái* cũng là truyện thơ như *Lái nộc yêng*; *Lái* là về kể truyện lịch sử mang tính sử thi như *Lái Khủn Chưông*; *Lái* cũng là thần thoại, truyền thuyết, cổ tích... Tất cả đều thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan, thể hiện ước mơ khát vọng về cuộc sống hạnh phúc, khao khát có cuộc sống tự do, công bằng của đồng bào nơi đây. Truyện kể của đồng bào Thái ở miền Tây Nghệ An gồm nhiều loại, có thể chia theo từng nội dung như sau:

* *Truyện kể về việc xuống mường*

Các truyện kể việc xuống mường tiêu biểu như *Lái lóng mương* (kể về quá trình con người xuống mường, phải đấu tranh gay gắt với lực lượng nhà trời...), *Lái khoải lóng mương* (kể chuyện các con vật xuống mường),... Đặc biệt, truyện *Lái Ai Cắp Y Kèo* kể về sự tức giận của Ông Trời trước cách sống ngang ngược và bướng bỉnh của con người, vì vậy trời đã tạo nên một trận hồng thủy để trừng phạt những hành động đó. Sau trận hồng thủy, mọi người chết hết chỉ còn lại Ai Cắp và Y Kèo là sống sót. Sở dĩ có điều này là do Ai Cắp và Y Kèo được một con chim cu xanh mách cho cách để lánh nạn, đó là lấy một quả bí đục lỗ rồi chui vào đó trốn. Khi nước rút, họ sống trôi trên trần gian, sau đó được Pọ Pạ cho làm vợ chồng rồi sinh con đàn cháu đống. Ngụ ý của câu chuyện muốn nói, người Kinh, người Thái, người Khơ mú, người Hmông... đều được sinh ra từ bọc thai của Y Kèo và là anh em một nhà. Do đó, tuy có những khác biệt trong đời sống văn hóa và sinh sống ở những khu vực khác nhau nhưng phải luôn đoàn kết, yêu thương nhau.

* *Truyện kể về việc khai phá xây dựng bản mường*

Đây là những câu chuyện thể hiện tinh thần muốn chế ngự thiên nhiên. Sức mạnh của tự nhiên thường thể hiện ở các hình tượng con yêu tinh, đười ươi, con hổ, con rồng, con rắn khổng lồ, con trăn kỳ lạ... Với sự nỗ lực phi thường của mình, con người đã chiến thắng được các thế lực tàn bạo. Những câu chuyện đó vừa có tính hiện thực, vừa là sản phẩm của ước mơ và trí tưởng tượng. Đó là các chàng dũng sĩ có sức khỏe phi thường, những người khổng lồ có lòng cứu nhân độ thế một cách vô tư, hồn nhiên như: dũng sĩ Ai Chệt Hay, dũng sĩ chạy nhanh như gió, Tào Nội, Tô Má Nhủi, Xin Xây, Gia Ba Sủ, chàng giết hổ, Vừ Lin Thoong... Những câu chuyện này, nếu chúng ta bóc cái màn thần linh huyền bí, sẽ biểu lộ rõ ý chí đấu tranh bất khuất của đồng bào Thái trước sức mạnh của thiên nhiên để cùng nhau chung tay dựng bản, lập mường.

* *Truyện kể về đời sống, sinh hoạt bản mường*

Đó là những câu chuyện kể về các hoạt động tôn giáo nguyên thủy, về tín ngưỡng tô tem của đồng bào Thái như: truyện *Con bìm bịp* kể về vật tổ của họ Hạ đã giúp một người họ Hạ biết được thứ lá quý để chữa bệnh hiểm nghèo; truyện *Chim tăng lo* kể về một trong những vật tổ của họ Lo Kăm, đã giúp dòng họ này tìm ra được giống lúa giữa lúc cái chết kề bên; truyện *Con rắn* vật tổ của họ Ngán, đã giúp họ Ngán tìm ra được nguồn nước uống trong lúc nắng hạn. Truyện *Cái lốt khải* kể về một chàng trai nghèo khổ làm nghề đi săn, chàng đã lấy được cái lốt khải của một cô gái đẹp. Sau đó hai người lấy nhau, sinh ra được bốn người con đặt tên là Lộc, Lữ, Lương, Quang. Cô gái đó chính là một nàng tiên. Một hôm nọ, cô tìm được cái lốt khải và chạy vào rừng. Từ đó, cha con sống với nhau. Sau khi người cha chết, ông truyền cho mỗi người con mang tên một họ và con cháu không được giết hổ, không ăn thịt hổ, thấy hổ chết phải để tang... Đó còn là những chuyện cắt nghĩa cho sự hình thành các địa danh lạ như: *Sự tích các hang động ở lèn Vua* là do quân của thần Nước xuyên thủng núi để đánh nhau với thần Núi mà thành; *Sự tích bản Kăm* là do một người đàn bà rách rưới, bản thiêu, ghẻ lở, đến thử lòng người trong bản mà có... Đó còn là những truyện không chỉ giải thích các hiện tượng tự nhiên mà còn mang nội dung xã hội sâu sắc, nhắc nhở giáo dục bà con sống có đạo lý ở đời như: *Sự tích ruộng Na Nhung*, *quý Muối* nói về tình bà cháu; *Sự tích môm Pôm Mông* nói về tình vợ chồng; *Sự tích Mai rùa* nói về tình cha con; *Sự tích Hòn đá Củ Xôi* nói về sự không nên tò mò...

* *Truyện ca ngợi bản mường*

Tiêu biểu như các câu chuyện *Lái nộc yêng*, *Lái Khùn Chường*, *Lái Khùn Tường*... *Lái nộc yêng* (tức truyện *Chim yêng* hay *Đôi yêng vàng*), thông qua việc hỏi đáp của hai vợ chồng đôi chim yêng trong lúc đi đường, truyện nhằm ca ngợi xứ Quỳ Châu (được hiểu không chỉ Quỳ Châu ngày nay mà cả xứ Phủ Quỳ trước đây. Phủ Quỳ trước đây bao gồm 4 huyện Quế Phong, Quỳ Châu, Tân Kỳ và Nghĩa Đàn ngày nay), với núi sông hùng vĩ, bản làng đông vui, nhà nhà giàu có, cảnh trí nên thơ, trai gái xinh tươi, phong tục tốt đẹp. Những nơi đôi chim yêng bay qua từ Mường Nọc, Mường Hin đến Mường Mùn, Mường Miêng, Mường Chiêng Ngam... “ngó chỗ nào cũng đẹp, nhìn chỗ nào cũng xinh”. Rất nhiều câu trong truyện *Lái nộc yêng* đã được các chàng trai, cô gái lấy ra để hát đối đáp với nhau trong các dịp vui như mừng nhà mới, mừng đám cưới, qua các điệu hát nhuôn, xuối, lăm, khắp.

Lái Khùn Chường được xem là bản anh hùng ca Thái, là tác phẩm sử thi tiêu biểu của người Thái. Nó được lưu truyền rất lâu đời và sâu rộng trong nhân dân bằng nhiều hình thức như kể, hát (*hấp*), khóc (*hày*), múa (*txa*) và ghi vào sách bằng chữ Thái cổ, trong đó phổ biến nhất là hát. Từ cụ già đến em bé, không ai không mê say tác phẩm này. Mặc dù có chữ, nhưng người ta không tìm thấy tác giả của Khùn Chường. Những người chủ sách đều nhận là ghi lại của “*người trước*” (tức là của tập thể dân tộc Thái). Trong sử thi Chường của người Thái cũng dễ phân biệt Chường Han của người Thái Tây Bắc, Thạo Hùng - Thạo Chường của người Thái - Lào, Khùn Chường của người Thái. Như thế vừa có sản phẩm của dân tộc, vừa có sản phẩm của vùng trong dân tộc, cùng với tập thể tác giả của chúng (Phan Đăng Nhật, 2005). Qua việc sưu tầm, biên dịch của các nhà

nguyên cứu, về cơ bản thì sử thi Khủn Chường đã được phục hồi và chia làm hai phần: phần thứ nhất là *Xôn Cháng Ồm* (Chiến công của người cha) gồm có các chương: Khủn Chôm xin con, Cưới nàng Ấm Pím, Lấy Ngọm Muồn, Đánh Phà Huồn; phần thứ hai là *Xôn Cháng Nội* (Chiến công của người con) gồm có ba chương: Chuộc xác, Chuộc khí tài, Diệt mừng. Nội dung của *Khủn Chường* diễn tả hai nhiệm vụ của anh hùng sử thi (đánh giặc và lấy vợ) một cách phong phú và đặc sắc. Mục tiêu cuối cùng của cuộc đời chinh chiến của cha con Chường là đem lại cuộc sống hòa bình, ấm no cho mọi người.

“Thắng giặc rồi, từ đây và mãi mãi Muốn năm trong cuộc sống vui tươi
Hãy cùng dân sửa sang lại bản mừng Bố con ta có lúc thanh thoi
Dạy cho dân chăm chỉ ruộng đồng Xin ông trời bắc cầu vàng, cầu bạc cho qua
Cho mọi người cơm no, áo ấm Ta sẽ trở về với Hạ Xái quê hương xứ sở”.

(Phan Đăng Nhật, 2005, tr. 55).

Một trường ca nữa cũng được xem là nổi tiếng của đồng bào Thái mà chúng ta không thể không nhắc tới là *Lái Khủn Tường*. Trường ca này được chia làm ba phần là Khủn Tường - Khủn Tinh - Nàng Ni, dài trên một nghìn câu, thể hiện khát vọng của người Thái làm chủ ruộng Đất, lại muốn làm chủ cả ruộng Nước và ruộng Trời. Điều đặc biệt, chúng ta cần lưu ý ở câu chuyện này là việc xây dựng hình tượng Ấm Cai - con của Khủn Tinh và Nàng Ni. Khủn Tinh là con trai của Khủn Tường (người) và nàng Ẹt Khay (rồng) nên Khủn Tinh mang dòng máu của cả người và rồng. Còn Nàng Ni, tuy là vợ, nhưng được ghi nhận là ở trong dòng dõi của Then Thướt trên trời, nên Nàng Ni thuộc về tiên giới. Ấm Cai là con trai của Khủn Tinh (người - rồng) và Nàng Ni (tiên) nên Ấm Cai có trong cơ thể mình cả ba dòng máu người - tiên - rồng. Hình tượng Ấm Cai chào đời được miêu tả rõ trong *Huyền thoại Khủn Tinh* của tác giả Sầm Văn Bình (Sầm Văn Bình, 2006).

“Dẻo dai tựa Chông La ruộng nước Tinh nhanh như vợ chúa ruộng
Khỏe như tảng rế đất Chiêng Chan Ngồi ngồi bên cạnh mẹ rừng Nàng Ni...”

(Phan Đăng Nhật, 2005, tr. 76).

*** Truyện nói về các quan hệ xã hội ở bản mừng, ở gia đình**

Đó là chuyện nói về các mối quan hệ giữa người với người, giữa người với thiên nhiên. Các truyện kể tiêu biểu như: *Miếng da trâu, Nàng Tóc thơm, Chàng Voi, Chàng Rùa, Con cá măng, Nàng Côi, Chàng Mong...* Nhân vật chính của những câu chuyện này thường là người mồ côi, người đàn bà góa hay người con út trong gia đình. Họ là những người dân lao động nghèo khổ, thật thà, hiền lành, chăm chỉ, sống vị tha, luôn sẵn lòng tương trợ giúp đỡ người khác khi gặp hoạn nạn... Song họ lại luôn gặp những điều không may do thiên nhiên, do bọn cầm quyền (chúa đất, chúa ruộng...) ám hại, đối xử thô bạo, dã man... Tuy nhiên, với bản chất lương thiện, tốt đẹp, họ đã được các lực lượng siêu nhiên giúp đỡ; và bằng sự thông minh, dũng cảm, tài trí, họ đã vượt qua những khó khăn, trắc trở, để xây dựng cuộc sống no đủ, yên lành và hạnh phúc. Các câu chuyện này có tác dụng giáo dục con người sống lương thiện, nhân ái, đồng thời phản ánh mơ ước của con người về một xã hội công bằng, tốt đẹp và đầy tình yêu thương.

* *Truyện nói về tình yêu trai gái, hạnh phúc lứa đôi*

Đây là mảng đề tài được đề cập nhiều, với những chuyện kể khá tiêu biểu như: *Chàng Chồn - Nàng Cả, Tào Kha - Nàng An, Nàng Dĩ - Chàng Mẫn, Khủn Lố - U Tiếm, Noóng Bua, Sự tích hòn Đá Thề...* Các câu chuyện phản ánh nhiều khía cạnh khác nhau của tình yêu trai gái: đó là những mối tình trong sáng, gắn bó, keo sơn, nhưng không đấu tranh được với những quyền lực trong xã hội, trong gia đình, những tục lệ khắt khe nên đã đưa đến cái chết thê thảm như *Khủn Lố - U Tiếm*, như đôi trai gái trong *Sự tích hòn Đá Thề*; đó là những câu chuyện lên án các cô gái hay chàng trai không chung tình, vì bị sắc đẹp hay vật chất cám dỗ; đó còn là những chuyện tình ban đầu éo le, trắc trở nhưng nhờ có lòng thủy chung son sắt, có tình yêu mãnh liệt, nên họ đã vượt được mọi khó khăn để đi đến bến bờ hạnh phúc.

Ngoài ra, đồng bào Thái còn có những câu chuyện ngụ ngôn, chuyện mang nội dung đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp... Qua đó, cho thấy kho tàng truyện kể nơi đây rất phong phú, đa dạng, để lại giá trị lớn trong kho tàng văn học Thái nói riêng, văn học Việt Nam nói chung.

3. Truyện thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ

* *Truyện thơ*

Trong kho tàng văn học dân gian Thái, truyện thơ là mảng đề tài phong phú nhất và chiếm số lượng không nhỏ. Đầu tiên phải kể đến tập thơ nổi tiếng *Tiền dẫn người yêu* (Xống Chụ Xôn Xao) từng được ví như “*Truyện Kiều* của dân tộc Thái”. Câu chuyện thông qua mối tình của hai nhân vật chính, đã thể hiện được bao nhiêu cảnh tượng khác như công lao cha mẹ mang nặng đẻ đau, dưỡng dục con cái trưởng thành, những tập tục diễn ra trên đường nhân duyên, bao nỗi niềm vui, buồn, tâm tư, tình cảm, tâm hồn, tâm trạng đường tình và bối cảnh xã hội đương thời... Đó cũng chính là tình cảm, tâm hồn, tâm tư, tâm trạng của dân tộc. Tiếp đến là phỏng theo các truyện cổ của chính người Thái để sáng tác thành truyện thơ. Đây được xem là hiện tượng phổ biến nhất, chẳng hạn như *Khun Lù - Nàng Ủa, Chương Han, Khun Tinh, Nàng Công Cắm...*; thứ ba là dựa vào những truyện thơ hoặc văn xuôi của các dân tộc khác như Việt, Lào, Trung Quốc để phỏng tác thành truyện thơ Thái, đó là các tác phẩm *Tổng Trân Cúc Hoa (Quăm Chăng Nghiên)*, *Truyện Kiều của Nguyễn Du (Quăm Năng Thư Câu)*, *Chàng Thi Thôn (Quăm Thi Thôn)*, *Tam Quốc diễn nghĩa (Quăm Tam Quốc)*, *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài (Tạo Xan Lưỡng cấp Năng Inh Lãi)*...

Mộng nương (Trông nương), *Nộc cốc cãm* (Chim phượng hoàng), *Tạo Hún Lu - Nàng Ủa Piếm* (Chàng Hún Lu - Nàng Ủa Piếm) và *Nàng Cãm - Tạo Ấn* (Nàng Cãm - Chàng Ấn) đã được La Quán Miên sưu tầm và dịch (La Quán Miên, 1996).

Truyện thơ *Trông nương* kể về một chàng trai được thả từ nương Trời xuống nương Đất, qua đó nhằm ca ngợi các di tích danh lam thắng cảnh nương Quỳ và một số nương khác ở vùng miền Tây Nghệ An. Qua *Trông nương*, ta thấy cảnh và người nơi đây đã hòa quyện vào nhau với tình nghĩa sâu đậm, toát lên niềm tự hào, tình yêu quê hương xứ sở.

“Chàng trông về mường nào, chàng hỡi?
Chàng ngoảnh về trông núi Pu - Quai
Phía trên, núi Chơ Nháng
Phía dưới, có Đền Tạm
Bên suối người tắm cho trâu
Bên trên, người họ Lô Cắm ủ rượu
Chín chàng trai khỏe mỗ trâu”
...
“Chàng ngoảnh trông về Mường Phạm
Người Chiêng Ngam ăn cá ba nguồn
nước
Nậm Hạt cạn, thì Nậm Việc đầy
Nậm Giải khô, Nậm Quang vẫn chảy”
“Mường Quai Loi nổi tiếng đường đi khó
Có khi phải bắc cây lên đá mà đi
Qua chỗ khó, đến Xán Ham mường rộng
Sông nước Xán Ham cá lượn mặt nước như
lá tre trôi
Đôi bờ hàng tre soi bóng
Bờ sông, bãi cát trắng phau
Chàng ngoảnh nhìn Mường Ham
Mường Ham có ba mươi chàng đang ngồi
uống rượu
Vời rượu vít về phía trên
Tiếng chiêng vọng vào Khún Khi môn một
Tiếng vọng lên tận núi Phá Chong”...
(La Quán Miên, 1996, tr. 89)

Trong truyện thơ *Chim phượng hoàng*, bằng hình tượng con chim phượng hoàng, tác giả nói về tình yêu đậm thắm, thiết tha giữa chàng trai và cô gái, thế nhưng cô gái đã bị gia đình ép duyên, gả cô ta cho người khác. Núi rừng, muông thú đều buồn não nột, xót xa với tâm trạng của đôi bạn tình và cô gái phải từ biệt người bạn tình để đi lấy chồng trong nỗi niềm day dứt, khôn nguôi.

“Nàng bước theo chồng, lòng nhớ mẹ
Một bên khóc thầm
Con yểng vàng khóc theo nàng giọng khàn
Cu vẹt chạy xem
Bọ xít bay đằng sau, kêu than
Ni non tiếng sáo thổi
Thế là đường vào nhà em đã cấm chông
mất rồi
Lối vào nhà em tấp đầy gai góc...”
(La Quán Miên, 2006, tr. 123)

Truyện thơ *Chàng Hún Lu - Nàng Ủa Piểmkẻ* về hai chị em gái mồ côi, khi đi xúc cá nhặt được quả sung bồ đôi ăn cùng, sau đó hai người có bầu và sinh được chàng Hún Lu và nàng Ủa Piểmkẻ. Mặc dù hai anh em được người Kinh nuôi, lớn lên yêu nhau nhưng không lấy được nhau. Câu chuyện muốn giải thích tục kiêng con chị, con em không lấy được nhau của người Thái, đồng thời cũng phản ánh các hoạt động sinh hoạt thường ngày của họ.

“Dưới sàn nhà em có gà mỗ bắp
Đầu sàn nhà em có chàng rể canh”
...
“Dậy sớm, dậy trước trâu
Dậy trưa, dậy trước gà
Dậy mà ngồi khung cửi dệt tơ
Mười ngày, dệt bằng lá mét
Tám ngày, tơ bằng lá cây”.
(La Quán Miên, 2006, tr. 156)

Qua đó, chúng ta có thể thấy tất cả các truyện thơ đều nói lên nỗi niềm, tâm trạng sâu kín của con người trong tình yêu đôi lứa, tình yêu đối với cha mẹ đến tình yêu thiên nhiên, bản mường, tình yêu quê hương xứ sở. Con người và cảnh vật, thiên nhiên nơi đây đều hòa quyện vào nhau, nói thay tâm trạng, nỗi lòng nhau.

* Đồng dao

Khi nhắc đến đồng dao của các dân tộc, bao giờ nó cũng lột tả được sự tươi non, ngộ nghĩnh, làm mê đắm mọi thời và mọi người.

Đồng dao của người Thái ở miền Tây Nghệ An có nội dung phong phú, phản ánh nhiều hoạt động của trẻ thơ, thể hiện tình yêu thiên nhiên và tính hiếu động của trẻ nhỏ. Những bài đồng dao thường đi kèm với các trò chơi của trẻ em hoặc có khi nó thể hiện nhu cầu hiểu biết của các em.

Trong hơn ba mươi bài đồng dao của người Thái hiện sưu tầm được ở miền Tây Nghệ An, chúng ta thấy có đến hàng trăm loài vật, muông thú, cây cỏ và một số hành tinh trong vũ trụ được gọi tên. Bằng lời ca, tiếng hát, bằng trò chơi của trẻ em mà các con vật, các loại cây từ trên rừng xuống dưới biển, từ trong nhà ra ngoài đồng đã được hội tụ về đây. Từ con lợn, con chó, con gà, con dê, con trâu, con vịt nuôi dưới sàn nhà, đến con hươu, con nai, con voi, con khỉ, hổ vằn, sóc, chồn, hắc tinh tinh... Những con vật quý hiếm của núi rừng, tất cả đều trở nên gần gũi, thân thương trong mắt các em. Với bài *Lợn ăn no*, chúng ta thấy được óc quan sát nhạy bén, ngây thơ và tư duy nhạy cảm của các em rất đáng yêu. Cuộc sống gắn bó, hòa quyện với thiên nhiên đã giúp các em có sự hiểu biết lý thú về thế giới loài vật quanh mình.

*Lợn ăn no, lợn đến
Chó ăn rồi, chó ra
Sáng sớm mặt tím thâm lợn chạy
Chạy xuống chạy lên
Gặp người Thái nạp tên bắn sóc
Hốc sủ có con mang*

*Hốc cây coọc có con nai
Đầu sần con dê kêu
Cúc cu chim cu gáy
Gáy đi đường bờ ruộng xa
Gáy đi ra, nương mạ tốt.*

Coọc: tiếng Thái gọi là quả mận coọc, tiếng Kinh gọi là quả cóc

Những bài đồng dao Thái cho thấy núi rừng âm u, hiểm trở không ngăn được tầm mắt các em. Các con vật từ gần gũi đến xa lạ đều được các em gọi về chơi cùng như con dã tràng, con phượng hoàng, con rồng, con bọ xít, bọ vùng, con bướm... đến các loại cây như cây nứa, cây mét, cây bưởi, cây dừa, cây sắn lè, cây lim... và các loại rau, các loại hoa quả, rồi cả vũ trụ như trăng sao, mưa gió, sấm chớp... đều được các em gọi về trong các câu hát của mình như trong bài *Trăng I*:

*Ánh trăng giới ăn mạ
Ngựa anh cả ăn dâu
Đế dũi trũi đầu, vào vườn gai
Hắc tinh tinh, có tài giã gạo vào lỗ
Con cua biết bện thùng
Con rồng biết thổi kèn*

*Châu châu biết thổi sáo
Rái cá biết tát ao, tát đầm
Cào cào lệ đầm khóc mẹ đêm đêm
Con sên khóc cháu rưng rưng
Bọ vùng khóc cha, khóc mẹ...*

Con cào cào, châu châu ở đây không “giã gạo”, “đá voi” như trong đồng dao người Kinh, mà châu châu thổi sáo, cào cào khóc mẹ...; con sên thì khóc cháu, còn bọ vùng thì khóc mẹ khóc cha, việc giã gạo - công việc quen thuộc của đồng bào Thái thì dành cho hắc tinh tinh. Đối với tư duy nghệ thuật của người miền xuôi thì con rồng là biểu tượng của sự hút nước, phun nước. Thế mà trong đồng dao Thái, con rồng hiện lên đầy chất nghệ sĩ, rồng biết thổi kèn để các em múa hát.

Thủ pháp nhân hóa được thể hiện rõ trong các bài đồng dao, ngay cả trăng sao, cả những chú bướm đáng yêu cũng không thể chối từ trước lời mời đón ân cần, trân trọng của các em trong bài *Gọi bướm xanh*:

*Con bướm nghịch, con bướm ngộ
Mắt đen, mắt đỏ mặc áo xanh
Áo xanh vòng quanh trên đường*

*Trên đường nhường đàn bà đi trước
Đi đường xa vắng, cho bướm trắng theo
sau.*

Ngoài ra, một số bài đồng dao phản ánh những sinh hoạt trong gia đình thường ngày của các em như đưa võng, chọc quả, câu cá... giúp chúng ta tiếp xúc ít nhiều với những phong tục tập quán nơi đây.

Bên cạnh đó, có một số câu, một số đoạn, ở các bài đồng dao ít nhiều nói lên quan niệm về nét đẹp của đạo đức, tôn trọng những phẩm giá tốt đẹp của con người. Ngoài ra còn có đoạn, có bài đồng dao phản ánh nhu cầu thực tế về sự giao lưu hiểu biết lẫn nhau giữa các tộc người trong một vùng cư trú, thậm chí còn vượt biên giới để sang đất nước láng giềng.

*Trăng bị mây che mười sáu, hai mươi sáu,
trăng ra
Ra uống nước của người Thái
Ra xem cổ người Khơ mú*

*Ra xem mặt người Lào
Ra xem gái ngã ba sông
Ra xem người Kinh thả đặng ở cửa bể.*

Qua các bài đồng dao, trẻ em người Thái không chỉ là người sáng tạo mà còn trực tiếp diễn xướng một cách thông minh, linh hoạt. Đồng thời, các em còn vận dụng một cách nhuần nhuyễn các yếu tố thần kỳ, ngụ ngôn, trào phúng... Tất cả tạo nên một bức tranh sống động, không chỉ có tác dụng giáo dục thẩm mỹ, mà còn giúp các em nhận thức sâu hơn hiện thực xã hội phong phú.

Qua đó, chúng ta có thể thấy, đồng dao của người Thái ở miền Tây Nghệ An cũng giống như đồng dao của các dân tộc khác, nó được tâm hồn thơ ngây, hồn nhiên của các em thổi vào tất cả các sự vật vô tri vô giác những linh hồn, làm cho chúng cứ quây, sống động và thân thiết với con người. Không chỉ vậy, do các em bé người Thái luôn sống gần gũi với thiên nhiên, nên đồng dao của các em có phần hồn nhiên hơn, ngộ nghĩnh hơn, trí tưởng tượng có phần phong phú, sáng tạo hơn đem đến cho chúng ta bao nhiêu hình ảnh kỳ diệu, phi thường về các sự vật. Và thông qua đồng dao, các em có được những nhận thức bước đầu về thế giới tự nhiên và xã hội, về những hình thức lao động đơn giản, về đạo lý làm người..., nó là dòng suối mát giúp các em hình thành nhân cách ngay từ thuở thiếu thời.

*** Ca dao - Tục ngữ**

Cũng giống như ca dao, tục ngữ của nhiều dân tộc anh em khác, ca dao tục ngữ Thái có nội dung rất phong phú, đề cập đến nhiều mặt của đời sống xã hội như kinh nghiệm sống, kinh nghiệm sản xuất, giáo dục về đạo đức lối sống, cách ứng xử giữa con người với con người... theo quan điểm của dân tộc. Nó được xem là tài sản quý báu của người Thái, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Về kinh nghiệm sống, mỗi thành viên trong gia đình cũng như ngoài cộng đồng xã hội, người Thái đã nhận thức rất tự giác rằng:

*“Muốn cơm no, găng làm ruộng
Muốn ăn cá, phải đắp bờ khơi mương”.*

*“Có nước mới có cá
Có ruộng mới có lúa”.*

Việc đào kênh, khơi mương, đắp phai để dẫn nước từ con khe về đồng, con suối nhỏ ngăn bằng đập, kè phen, chắn nước, be bờ để giữ nước tưới mát cho lúa. Đồng thời,

ruộng cũng là một cái ao lớn để nuôi thả cá - nguồn thức ăn dự trữ không thể thiếu được cho mỗi gia đình người Thái, đã trở thành kinh nghiệm quý báu mà cha ông lưu truyền cho con cháu.

Về tình yêu trai gái, ca dao Thái có nhiều bài chân thành, thấm thiết, diễn tả tâm trạng của đôi lứa khi yêu, có ngọt ngào trong sáng, có nhớ nhung da diết, có hờn giận, oán trách...

*“Anh xa em cá dưới nước cũng sâu,
Chìm rừng nhác hót, ve sầu nhác kêu* *Suối rừng vắng bóng người yêu,
Bên bờ anh đứng, lòng xiêu xiêu lòng”.*

Việc giáo dục đạo đức, lối sống, cách ứng xử giữa con người với con người luôn được đồng bào Thái quan tâm, họ có những lời khuyên thấu tình, đạt lý. Đối với người Thái, đồng bào quan niệm sống là phải biết ơn sự giúp đỡ của mọi người, phải có trước có sau. Với công ơn cha mẹ sinh thành, dưỡng dục thì người con luôn phải ghi lòng tạc dạ để đền đáp. Đối với cha mẹ thì xem việc nuôi dưỡng và giáo dục con cái là cả một quá trình lâu dài, phải có lòng kiên nhẫn không tính bằng ngày, bằng tháng được.

*“Công cha nuôi lớn hơn núi trước bàn
Công mẹ nuôi còn lớn hơn cả trời đất”.* *“Nuôi con không biết ngày
Nuôi tằm không biết tháng”.*

Đồng bào quan niệm, giáo dục con cái là phải bắt đầu ngay từ khi con còn nhỏ, muốn con cái khôn ngoan, giỏi giang thì phải chăm lo dạy bảo. Điều đặc biệt ở người Thái là quan niệm dạy dỗ con cái không dùng vũ lực mà chỉ dùng những lời chỉ bảo ân cần, nhẹ nhàng để khuyên răn.

Về quan hệ anh, chị em trong nhà, người Thái khuyên bảo phải thương yêu, đùm bọc lấy nhau, phải biết tôn trọng nhau, của cải tiền bạc không thể thay thế tình cảm ruột rà, máu mủ.

*“Em dâu phải kính trọng anh chồng
Em rể phải kính nể chị dâu”.* *“Tiền mười không thành chú
Tiền hai mươi không thành anh thành em”.*

Người Thái quan niệm đối với người đồng tộc, dù ở khác bản, khác mường vẫn luôn xem nhau như là anh em, luôn gần bó giúp đỡ lẫn nhau. Đối với từng con người cụ thể, ca dao, tục ngữ Thái đã có những lời răn dạy cách ứng xử, lối sống rất bổ ích. Khi gặp người khó khăn, hoạn nạn thì phải giúp đỡ chu đáo, trọn vẹn, giúp một cách vô tư, đến nơi đến chốn. Đối với phong tục tập quán dân tộc mình, người Thái luôn xem trọng và răn dạy con cháu noi theo.

*“Người siêng thì nhìn người khác
Người nhác thì nhìn ngó mặt trời thấp cao”.* *“Giữ phong tục đừng cho nó vắng
Giữ phong cách dân tộc đừng cho nó phai mờ”...*

Qua đó, chúng ta thấy ca dao tục ngữ Thái đã phản ánh một cách sinh động, sâu sắc mọi mặt của cuộc sống như lao động sản xuất, đối nhân xử thế, các mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người... Nhiều bài ca dao, nhiều câu tục ngữ Thái đã được người đời tiếp nhận như một chân lý, triết lý khoa học, để định hướng cho mình trên mọi phương diện của cuộc sống. Nó đã trở thành những nét đẹp của truyền thống trong văn hóa Thái, cần được phát huy, lưu truyền cho các thế hệ mai sau.

4. Kết luận

Văn học dân gian của người Thái ở Nghệ An rất phong phú và đa dạng, là tấm gương phản ánh trung thực đời sống vật chất và tinh thần của tộc người. Các loại hình nghệ thuật này thường liên quan đến các chủ đề về lao động sản xuất, tình yêu trai gái, ca ngợi cảnh đẹp quê hương, bản mường, sự đấu tranh giữa con người và tự nhiên,... Các tác phẩm giàu chất trữ tình, chứa đựng nhiều nội dung về sự chung thủy, tình yêu đôi lứa, về lối sống, khát vọng cũng như tình cảm giữa con người với con người. Chính vì thế, nó trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu được trong đời sống của cộng đồng người Thái. Bên cạnh đó, văn học dân gian góp phần không nhỏ để tạo nên nét đặc trưng riêng trong văn hóa truyền thống của người Thái nơi đây.

Như vậy, chúng ta có thể thấy kho tàng văn học dân gian của cộng đồng người Thái Nghệ An đã chứa đựng và chuyển tải được các chức năng lớn của văn học như chức năng nhận thức, chức năng thẩm mỹ, chức năng giáo dục. Trong đó, chức năng giáo dục là chức năng chủ chốt góp phần điều chỉnh xã hội và xây dựng một xã hội lành mạnh hơn. Trong đời sống xã hội ngày nay, có thể dễ dàng nhận thấy sự xuống cấp của đạo đức xã hội, đặc biệt là sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, trở thành lực cản đối với sự phát triển của đất nước. Sự xuống cấp đó chắc chắn một phần do chúng ta chưa coi trọng, phát huy vai trò của văn học dân gian trong việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người.

Do tác động của xu hướng toàn cầu hóa, xu hướng giao lưu văn hóa diễn ra mạnh mẽ, cùng với sự xuất hiện nhiều loại hình giải trí mới nên giới trẻ ngày nay không còn tha thiết với văn hóa dân tộc. Lớp trẻ chưa thật sự yêu thích, quan tâm hoặc không còn biết đến các giá trị văn hóa truyền thống độc đáo, đặc sắc của dân tộc mình nói chung và văn học nói riêng, trong khi nhiều nghệ nhân giỏi do tuổi tác cao, lần lượt qua đời. Đây thực sự là vấn đề đang diễn ra phổ biến và rất đáng được lưu tâm.

Nghệ An là một tỉnh đa dân tộc, được hội tụ bởi các lớp trầm tích văn hóa đặc trưng. Thiên nhiên tươi đẹp, không gian văn hóa độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa của các cộng đồng tộc người nơi đây. Bản sắc văn hóa ấy là linh hồn, là cội nguồn của sự trường tồn và là mục tiêu quan trọng góp phần xây dựng văn hóa con người trong thời kỳ mới. Nếu phát huy tốt vai trò xây dựng và phát triển văn hóa thì văn hóa sẽ trở thành nền tảng tinh thần xã hội, là động lực quan trọng để phát triển bền vững đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vi Văn An (2017). *Người Thái ở miền Tây Nghệ An*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Sầm Văn Bình (dịch và phỏng tác) (2006). *Huyền thoại Khũn Tinh*. UBND xã Châu Cường.
- Phan Đăng Nhật (Chủ biên) (2005). *Khũn Chưởng anh hùng ca Thái*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- La Quán Miên (1996). *Truyện thơ và đồng dao Thái miền Tây Nghệ An*. NXB Nghệ An.
- Trần Văn Thúc (Chủ biên) (2011). *Địa chí huyện Quỳnh Châu*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

SUMMARY

FOLK LITERATURE IN COMMUNITY LIFE OF THAI PEOPLE IN NGHE AN PROVINCE

In culture, literature is an important form and field expressing people's aspiration of truth, goodness, and beauty. Thai minority group possesses a rich and diverse cultural life and plays an important role in Western Nghe An Province. Thai folk literature is a valuable artistic heritage, which clearly reflects the socio-cultural life of the ethnic group and plays an important role in creating standard values for people to reach, thereby forming human qualities. At the same time, literature is one of the direct drivers that contribute to creating the spiritual foundation of the community, building and developing culture.

Keywords: Literature; literature of Thai people; folk literature of Thai people in Nghe An Province.